

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Đứng

2. Ông Trương Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy S, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố V2, phường H, thị xã H, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1964 (vắng mặt)

bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố V2, phường H, thị xã H, tỉnh B.

2/ Chị Võ Thị Lệ Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh B.

3/ Chị Võ Thị D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố x, phường B, thị xã H, tỉnh B.

4/ Vợ chồng ông Võ Thanh L, sinh năm 1952 (vắng mặt)

bà Mai Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh B.

(Anh H, vợ chồng ông N bà V, chị Th, chị D, vợ chồng

ông L bà H đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy S trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 01/2006 ngày 03/9/2003). Sau một thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không còn chung sống được với nhau. Vợ chồng đã ly thân được 04 năm và từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc H sinh ngày 05/10/2003 và Võ Huy H1 sinh ngày 02/9/2012. Cháu H đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lo cho bản thân, không bị bệnh tật gì. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Trước đây chị S yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/5/2021, chị S rút một phần yêu cầu, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Chị S không thay đổi gì về việc rút một phần yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

+ *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị S kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H là đúng. Vợ anh có nhiều mâu thuẫn, xích mích, chị S có quan hệ ngoại tình. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc H sinh ngày 05/10/2003 và Võ Huy H1 sinh ngày 02/9/2012. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Theo Bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:*

- Vợ chồng ông Nguyễn Hữu N bà Nguyễn Thị V: Trong thời gian sống chung, vợ chồng con gái của ông bà là chị S anh H có mượn của ông bà 04 chỉ vàng 9999 và 10.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả. Ông bà yêu cầu chị S anh H trả cho ông bà 04 chỉ vàng 9999. Ngày 25/5/2021, ông N bà V rút yêu cầu khởi kiện. Ông bà đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Võ Thị Lệ Th: Ngày 12/10/2016, chị S có mượn của chị 02 chỉ vàng 9999 đến nay chưa trả. Chị yêu cầu chị S trả cho chị 02 chỉ vàng 9999. Ngày 27/5/2021, chị Th rút yêu cầu khởi kiện. Chị Th đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Võ Thị D: Ngày 20/11/2015, chị S có mượn của chị 03 chỉ vàng. Đến năm 2017, trả được 02 chỉ vàng còn nợ lại 01 chỉ vàng đến nay chưa trả. Chị yêu cầu chị S trả cho chị 01 chỉ vàng 9999. Ngày 24/5/2021, chị D rút yêu cầu khởi kiện. Chị D đề nghị xét xử vắng mặt.

- Vợ chồng ông Võ Thanh L bà Mai Thị H: Ngày 13/4/2010, ông bà có cho chị S anh H mượn số tiền 80.000.000 đồng để mua nhà nhưng chưa trả. Nay

chị S anh H ly hôn, nếu để lại nhà cho các con thì ông bà không có yêu cầu gì, còn nếu bán nhà thì ông bà yêu cầu chị S anh H trả cho ông bà 50% giá trị nhà theo thực tế. Ngày 24/5/2021, ông L bà H rút yêu cầu khởi kiện. Ông bà đề nghị xét xử vắng mặt.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Vụ án để quá thời hạn chuẩn bị xét xử qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh H. Giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, cháu Hải đã đủ 18 tuổi nên không xem xét. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút đơn yêu cầu giải quyết nên đình chỉ giải quyết. Về án phí, chị S anh H phải chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông N bà V, chị Th, chị D, vợ chồng ông L bà H đề nghị xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hôn nhân: Trong thời gian chung sống, chị S và anh H có nhiều mâu thuẫn, vì không thể chung sống hạnh phúc với nhau được nên chị S yêu cầu ly hôn anh H. Chị S và anh H đã ly thân đến nay được 04 năm, không còn quan tâm gì đến nhau, thời gian qua vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Có thể thấy, hôn nhân giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S yêu cầu ly hôn thì anh H cũng đồng ý. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của chị S và anh H nên được công nhận.

[3] Việc nuôi con sau khi ly hôn: Cháu H đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị S và anh H ly hôn. Đối với cháu H1, cháu đang ở cùng anh H và có nguyện vọng được sống cùng ba, có cuộc sống, việc

học tập ổn định. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và cuộc sống ổn định của cháu Hoàng nên giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của anh nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản: Chị S đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Vợ chồng ông N bà V, chị Th, chị D, vợ chồng ông L bà H cũng đã có đơn rút yêu cầu độc lập. Đây là sự tự nguyện của chị S, vợ chồng ông N bà V, chị Th, chị D, vợ chồng ông L bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị S, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của vợ chồng ông N bà V, chị Th, chị D, vợ chồng ông L bà H. Chị S và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị S và anh H không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể là không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S và anh H đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí qui định đối với yêu cầu ly hôn (chị S và anh H mỗi bên phải chịu 25% mức án phí qui định là 75.000 đồng).

[7] Về tiền tạm ứng án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản khi ly hôn cho chị S và trả lại cho vợ chồng ông N bà V, chị Th, chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy S và anh Võ Văn H.

2. Về nuôi con:

Cháu Võ Quốc H sinh ngày 05/10/2003, đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị S và anh H ly hôn.

Giao cháu Võ Huy H1 sinh ngày 02/9/2012 cho anh Võ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy S cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

6. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy S.

7. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Nguyễn Hữu N bà Nguyễn Thị V, chị Võ Thị Lệ Th, chị Võ Thị D, vợ chồng ông Võ Thanh L bà Mai Thị H.

8. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy S và anh Võ Văn H mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009840 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, còn lại trả cho chị S số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

9. Về tạm ứng án phí:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy S số tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009839 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu N bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) ông bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000068 ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Trả lại cho chị Võ Thị Lệ Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000077 ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Trả lại cho chị Võ Thị D số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000075 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Khi thụ lý yêu cầu độc lập, vợ chồng ông Võ Thanh L bà Mai Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí vì vậy không xem xét đến việc trả lại tạm ứng án phí cho ông L bà H.

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng